

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/3/2019

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
phân chia nghĩa vụ chung về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A- TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kia
2. Bà Nguyễn Thị Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Loan Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, phân chia nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng với người thứ ba khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ: Làng G 1, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 02, phường M, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị N và anh Nguyễn Xuân H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 30/7/2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên cãi nhau với chị. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay. Hiện nay không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được, do vậy chị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H.

Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Huỳnh P, sinh ngày 07/11/2010 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/3/2015. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu P và B cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và tự lập được. Chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tại đơn khởi kiện chị N trình bày chị và anh H có nợ Ngân chính sách xã hội Việt Nam thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 40.000.000đ. Chị yêu cầu mỗi người chịu trách nhiệm trả 20.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 04/3/2019 chị N làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về việc phân chia nghĩa vụ chung với lý do chị và anh H thỏa thuận giao cho chị có trách nhiệm trả khoản nợ 40.000.000đ và tại phiên tòa hôm nay chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết chia khoản nợ chung.

Lời khai của bị đơn anh Nguyễn Xuân H có trong hồ sơ thể hiện: Anh và chị Nguyễn Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 30/7/2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 đến nay. Do vậy chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Nguyễn Thị Huỳnh P, sinh ngày 07/11/2010 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/3/2015. Anh đồng ý giao cho chị N trực tiếp nuôi hai cháu P và B cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và tự lập được.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh yêu cầu giao cho chị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam 40.000.000đ.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ) ngày 04/3/2019 có văn bản cho biết không tham gia tố tụng và không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 02, phường M, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Theo quy định tại 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Xuân H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị N và anh H có phát sinh mâu thuẫn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H. Anh H cũng đồng ý ly hôn với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy: chị N và anh H đã không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2018 cho đến nay không ai còn quan tâm lo lắng, chăm sóc cho nhau, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N với anh Nguyễn Xuân H.

[4] Về việc nuôi con: Chị N và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Huỳnh P, sinh ngày 07/11/2010 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/3/2015. Xét chị N đang trong độ tuổi lao động, có nghề nghiệp ổn định, có sức khỏe, đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Đồng thời tại bản khai của cháu P tại Tòa án thể hiện cháu P có nguyện vọng được sống với chị N; cháu B hiện nay còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Do vậy, cần giao cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi con là cháu Nguyễn Thị Huỳnh P, sinh ngày 07/11/2010 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/3/2015 cho đến khi các cháu P và B đủ 18 tuổi và tự lập được là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:

Chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết;

Trong đơn khởi kiện chị N có yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ chung, trong quá trình giải quyết chị N làm đơn xin rút đối với yêu cầu giải quyết phân chia trách nhiệm trả nợ chung. Tại phiên tòa hôm nay chị N cũng xin rút lại yêu cầu này không yêu cầu Tòa giải quyết nữa; Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (thông qua Phòng giao dịch huyện Đ) có văn bản cho biết không tham gia tố tụng và không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản tiền chị N vay trong vụ án này. Việc rút yêu cầu của chị N là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Xuân H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, cụ thể như sau:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận chị Nguyễn Thị N ly hôn với anh Nguyễn Xuân H.

2. *Về việc nuôi con*: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn Thị Huỳnh P, sinh ngày 07/11/2010 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/3/2015 khi các cháu P và B chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Xuân H phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị N về phân chia trách nhiệm trả nợ chung.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 600.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007201 ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị N 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Anh Nguyễn Xuân H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (26/3/2019), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND phường M, thị xã A
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Sơn